



Hào

Número (Día) - Conjunción
Caracter 36/150

1. Ordenar

天 几 今 号 ?

2. Ordenar

三十 天 今 一 号

3. Escribir y traducir (mandar a Maca)

明天几月几号?

Míng tiān jǐ yuè jǐ hào?

明天十二月二十五号

Míng tiān shí èr yuè èr shí wǔ hào

你的生日几月几号?

Nǐ de shēng rì jǐ yuè jǐ hào?

请问, 今天几号星期几?

Qǐng wèn, jīn tiān jǐ hào xīng qī jǐ?